

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 34/2025/DS-ST

Ngày: 02-06-2025

*“V/v Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền,
hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kiên Nhẫn
2. Bà Nguyễn Thị Sương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-DS, ngày 06/01/2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS, ngày 16/04/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-DS, ngày 14/05/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Số G, Khóm D, Phường C, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Quyết Q**, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Số B, P, Phường D, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*Theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2024*)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú có ông Nguyễn Quyết Q làm đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Văn S là chủ sử dụng thửa đất số 114, tờ bản đồ số 16, diện tích 1883,3m², mục đích sử dụng Đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Khóm D, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Vào ngày 27/09/2024, ông S có vay tiền của anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1986, trú tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, số tiền vay là 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay ông Ú có yêu cầu ông S phải ký Hợp đồng ủy quyền số 1836, quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HDDGD ngày 27/9/2024 tại Văn phòng C. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền có công chứng thì các bên có lập thêm Phụ lục hợp đồng ủy quyền sử dụng đất với nội dung: Hợp đồng này là HỢP ĐỒNG VAY TIỀN theo hình thức thế chấp tài sản và KHÔNG PHẢI HỢP ĐỒNG MUA BÁN. Đây là hợp đồng giả tạo, nhằm che dấu hợp đồng vay tài sản.

Sau khi ký hợp đồng vay tiền thì ông S đã đóng lãi được 03 tháng (với số tiền là 6.000.000đ) hiện nay ông S nhận thấy việc ủy quyền cho anh Ú có quá nhiều rủi ro, nên ông S đã liên hệ với anh Ú để yêu cầu anh Ú hủy bỏ hợp đồng ủy quyền và trả lại quyền sử dụng đất cho ông S, nhưng anh Ú không thực hiện, điều đó ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S. Nay ông S yêu cầu như sau:

1/Vô hiệu hợp đồng ủy quyền số 1836, quyền số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/9/2024, tại Văn phòng C giữa bên ủy quyền là Nguyễn Văn S, bên nhận ủy quyền là ông Nguyễn Văn Ú.

2/Buộc ông Nguyễn Văn Ú phải trả lại cho ông bản chính Q1 sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 114, tờ bản đồ số 16 có số phát hành BN 703291, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH08906 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 03/7/2015 (đăng ký biến động ngày 21/06/2024).

3/Ông Nguyễn Văn S đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn Ú số tiền vay là 100.000.000đ và không đồng ý tiếp tục trả lãi.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Ú đã được Toà án đã nhiều lần triệu tập họp lệ đến làm việc tại Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn nêu trên.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S có anh Nguyễn Quyết Q làm đại diện trình bày: Ông S yêu cầu là Vô hiệu hợp đồng ủy quyền lập ngày 27/9/2024; buộc ông Nguyễn Văn Ú phải trả lại cho ông bản chính Q1 sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 114, tờ bản đồ số 16 có số phát hành BN 703291, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH08906 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 03/7/2015 (*đăng ký biến động ngày 21/06/2024*); ông Nguyễn Văn S đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn Ú số tiền vay là 100.000.000đ và không đồng ý tiếp tục trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 92, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 124, 166, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S.

1/Vô hiệu hợp đồng ủy quyền số 1836, quyền số 02/2024/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/9/2024, tại Văn phòng C giữa bên ủy quyền là Nguyễn Văn S, bên nhận ủy quyền là ông Nguyễn Văn Ú.

2/Buộc anh Nguyễn Văn Ú phải trả lại cho ông Nguyễn Văn S bản chính Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 114, tờ bản đồ số 16 có số phát hành BN 703291, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH08906 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 03/7/2015 (*đăng ký biến động ngày 21/06/2024*).

3/Buộc ông Nguyễn Văn S trả cho anh Nguyễn Văn Ú số tiền vay là 100.000.000đ.

4/*Về án phí:* Bị đơn anh Nguyễn Văn Ú phải chịu án phí là 600.000đ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí là 5.000.000đ

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Văn Ú về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả lại tiền vay, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*”. Bị đơn có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. *Về nội dung*:

[1]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy*:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, ra Quyết định đối chất, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn để đến Tòa án đối chất, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không đến, không có bất cứ văn bản nào để trình bày gửi cho Tòa án để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cũng quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[1.1]. *Đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền lập ngày 27/9/2024 giữa ông Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn Ú*:

Về hình thức hợp đồng: Đây là hợp đồng dân sự do hai bên tự thỏa thuận, giao kết bằng văn bản được Văn phòng C thực hiện theo Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung hợp đồng: “1./Quản lý, sử dụng, cho thuê, thế chấp hoặc chuyển nhượng, cho tặng quyền sử dụng đất nêu trên cho bên thứ ba.

2./Thực hiện thủ tục đăng chính thông tin trên giấy chứng nhận nếu có sai sót, lập thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất, xin cấp quyền sở hữu (bên B được ký đơn đề nghị tách thửa, biên bản đo đạc, biên bản mốc giới, xác định ranh, ký giáp ranh, ký nhận kết quả đo đạc, ký đơn cấp đổi và đơn đăng ký biến động...). Thay mặt và nhân danh bên A ký tên vào các hợp đồng: cho thuê, thế chấp, chuyển nhượng, cho tặng (Bên B được giao kết và ký tên vào các văn bản phụ lục, sửa đổi, bổ sung, hủy, thanh lý hoặc chấm dứt hợp đồng mà bên B đã ký).

3./Thay mặt bên A liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để lập toàn bộ các thủ tục pháp lý và ký tên trên các giấy tờ cần thiết theo qui định của pháp luật để thực hiện các hợp đồng mà bên A đã ký (bên B được ký hủy bỏ các hợp đồng bên A đã ký và được quyền thay mặt ký lại hợp đồng mới). Bên B được thực hiện việc đặt cọc, ký kết các hợp đồng đặt cọc, nhận và sở hữu số tiền đặt cọc đã nhận. Đồng thời để lập và ký kết các hợp đồng thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên sang cho bên thứ ba theo đúng thủ tục luật định. Thực hiện các nội dung được ủy quyền nêu trên với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bên A theo luật định khi không còn đủ khả năng, điều kiện cần thiết để tiếp tục thực hiện các công việc được ủy quyền.

4./Ủy quyền đồng thời cho phép bên B được đại diện cho bên A để tham gia giải quyết và toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên (Bao gồm cả việc quyết định giá cả, phương thức thanh toán, thời điểm giao - nhận tài sản khi thế chấp, chuyển nhượng).

5./Nếu bên nhận ủy quyền vì điều kiện khách quan mà không thể tiếp tục thực hiện công việc ủy quyền thì bên được ủy quyền được quyền “ủy quyền lại cho người khác” để tiếp tục thực hiện công việc ủy quyền trong phạm vi ủy quyền nêu trên theo quy định của pháp luật”. Thời hạn ủy quyền là 02 năm có hiệu lực từ ngày 27/09/2024 đến ngày 27/09/2026 hoặc hợp đồng chấm dứt theo quy định của pháp luật. Mục đích chính của việc làm hợp đồng ủy quyền là anh Ú giữ Giấy CNQSDĐ thửa đất số 14, tờ bản đồ số 16, diện tích 1883,3m², loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, tọa lạc Khóm D, Phường C, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và anh Ú cho ông S vay số tiền 100.000.000đ và đã nhận tiền ngay ngày ký hợp đồng ủy quyền ngày 27/09/2024.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ là Công văn 07/CV.CNVPĐKĐĐ, ngày 07/01/2025 về việc yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cung cấp thông tin đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 16, diện tích 1883,3m², loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, tọa lạc Khóm D, Phường C, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 703291, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 08906 do UBND Thành phố V cấp ngày 03/07/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn S và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long với nội dung sau: “*Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố V đã cập nhật ngăn chặn giao dịch thửa đất trên*” (BL63).

Xét yêu cầu của ông S về việc vô hiệu Hợp đồng ủy quyền: Qua lời trình bày của ông S thì đây là hợp đồng vay tiền, sau khi ký kết hợp đồng thì ông S cho rằng đây là tài sản lớn nhưng chỉ vay anh Ú có 100.000.000đ nhưng lại ủy quyền cho anh Ú toàn quyền chuyển nhượng, cho tặng, cho thuê, thế chấp....có nhà cửa của ông trên đất là có nhiều rủi ro dẫn đến mất tài sản, nên đã nhiều lần liên hệ với anh Ú để yêu cầu anh Ú cùng ông đến Văn phòng công chứng có thẩm quyền để hủy hợp đồng ủy quyền nhưng anh Ú không hợp tác. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay anh Ú vẫn không có ý kiến gì phản hồi lại với ông S, Tòa án về việc ông S yêu cầu vô hiệu đồng ủy quyền với anh Ú.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Hợp đồng ủy quyền, Biên nhận tiền, Phụ lục hợp đồng ủy quyền sử dụng đất (bản chính). Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định đây là hợp đồng ủy quyền giả tạo nhằm che giấu cho một giao dịch dân sự khác đó là hợp đồng vay tài sản, nên căn cứ Điều 124 Bộ luật dân sự 2015 thì hợp đồng giả tạo này sẽ bị vô hiệu và hợp đồng bị che giấu vẫn có hiệu lực theo quy định của pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc vô hiệu hợp đồng ủy quyền đã ký kết ngày 27/09/2024.

[1.2]. *Đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn Ú phải trả lại cho ông Nguyễn Văn S bản chính Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 114, tờ bản đồ số 16 có số phát hành BN 703291, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH08906 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 03/7/2015 (đăng ký biến động ngày 21/06/2024):*

Hội đồng xét xử xét thấy, tại “*Phụ lục hợp đồng ủy quyền sử dụng đất*” lập ngày 27/09/2024 có ghi nhận việc ông S giao cho anh Ú là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH08906, cấp ngày 03/07/2015.

Do hợp đồng ủy quyền bị vô hiệu nên căn cứ Điều 131, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, anh Ú phải có trách nhiệm trả lại cho ông S bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[1.3]. *Đối với việc ông Nguyễn Văn S đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn Ú số tiền vay là 100.000.000đ và không đồng ý tiếp tục trả lãi:*

Hội đồng xét xử xét thấy, tại “*Biên nhận tiền*” ngày 27/09/2024 thì ông S có nhận của anh Ú số tiền là 100.000.000đ theo hợp đồng ủy quyền nên việc ông S có trách nhiệm trả lại cho anh Ú số tiền 100.000.000đ là có căn cứ.

Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, ông S chỉ đồng ý trả số tiền 100.000.000đ và không đồng ý trả lãi tiếp tục với lãi suất 2%/tháng và anh Ú cũng không có bất cứ văn bản nào để yêu cầu trả tiền lãi và lãi suất là bao nhiêu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu về tiền lãi và lãi suất thì xem xét giải quyết trong vụ án khác.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, việc ông Nguyễn Văn S khởi kiện anh Nguyễn Văn Ú là có căn cứ chấp nhận.

[3]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí là 600.000đ.

Do nguyên đơn trả tiền vay cho bị đơn, nên phải chịu án phí là $(100.000.000đ \times 5\%) = 5.000.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92, 147, 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 40, 119, 124, 131, 166, 422, 463, 466, 468, 562, 565 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S.

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền số công chứng 1836, quyền số 02/2024 TP/CC-SCC-HĐGD, lập ngày 27/09/2024 tại Văn phòng C giữa ông Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn Ú.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Ú phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn S bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 703291, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH08906 do UBND Thành phố V cấp ngày 03/07/2015 (*đăng ký biến động ngày 21/06/2024*).

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn Ú số tiền vay gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. *Về án phí*: Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*).

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ, được khấu trừ qua số tiền 300.000đ theo biên lai số N_o 0014755, ngày 06/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, nên nguyên đơn ông S còn phải nộp thêm số tiền là 4.700.000đ (*Bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo